

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH AN GIANG** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2019/DS-PT

Ngày: 20 / 9 /2019

*“Tranh chấp hợp đồng góp hội”*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thiện.

*Các Thẩm phán:* Ông Hoàng Ngọc Linh

Bà Trần Thị Thúy Hà

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Dự – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:**  
Ông Dương Quý Thái - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 143/2019/TLPT-DS ngày 24 tháng 7 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 84/2019/DS-ST ngày 10/4 /2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang bị ông Bùi Thanh T kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144 /2019/QĐ-PT ngày 05 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 167/2019/QĐ-PT ngày 22 /8/2019; giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Bùi Văn Th, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp Hưng Mỹ, xã Phú Hưng, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Huỳnh Hồng D, sinh năm 1956. Địa chỉ: 55 Tôn Đức Thắng, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số công chứng 68/2019, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 31/01/2019 của Văn phòng công chứng Huỳnh Thị Nào).

**2. Bị đơn:** Ông Bùi Thanh T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp Hưng Mỹ, xã Phú Hưng, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Ấp Hưng Mỹ, xã Phú Hưng, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.  
(Tại phiên tòa có mặt bà Huỳnh Hồng V, ông Bùi Thanh T, bà Nguyễn Thị Th1 có đơn xin xét xử vắng mặt, còn các đương sự khác vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Ông Bùi Thanh T làm chủ hội, ông Bùi Văn Th là hội viên tham gia chơi hội, các bên thỏa thuận: Dây hội 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), mỗi tháng khai một lần, gồm 27 hội viên. Hội bắt đầu khai lần đầu tiên vào ngày 19/01/2016, thỏa thuận hội viên nào bỏ hội giá cao nhất sẽ được hốt, chủ hội có trách nhiệm thu gom tiền từ các hội viên khác giao cho hội viên được hốt và chủ hội được hưởng huê hồng 1.000.000 đồng/kỳ khai hội

Theo ông Th thì ông tham gia 02 phần hội, sau mỗi lần khai ông đóng hội sống đầy đủ từ lần khai thứ nhất vào ngày 19/01/2016 đến lần khai thứ 17 vào ngày 19/5/2017. Khi thì hội không khai tiếp do ông T tuyên bố vỡ hội và bỏ đi khỏi địa phương. Tất cả 17 lần đóng hội đều do ông Th cùng vợ là bà Nguyễn Thị Th1 trực tiếp đóng, tuy không làm giấy tờ nhưng ông Th vẫn có ghi lại vào sổ cá nhân của mình để nhớ số tiền hội vốn của mỗi kỳ hội cụ thể: Kỳ khai 1 đóng 3.200.000 đồng; kỳ khai 2 đóng 2.800.000 đồng; kỳ khai 3 đóng 2.640.000 đồng; kỳ khai 4 đóng 2.660.000 đồng; kỳ khai 5 đóng 2.580.000 đồng; kỳ khai 6 đóng 2.460.000 đồng; kỳ khai 7 đóng 2.300.000 đồng; kỳ khai 8 đóng 2.350.000 đồng; kỳ khai 9 đóng 2.980.000 đồng; kỳ khai 10 đóng 2.580.000 đồng; kỳ khai 11 đóng 2.500.000 đồng; kỳ khai 12 đóng 2.300.000 đồng; kỳ khai 13 đóng 2.470.000 đồng; kỳ khai 14 đóng 2.650.000 đồng; kỳ khai 15 đóng 2.670.000 đồng; kỳ khai 16 đóng 2.490.000 đồng và kỳ khai 17 đóng 2.460.000 đồng. Tổng cộng là 44.090.000 đồng.

Cuối tháng 6/2017 ông T trở về xây cất nhà mới, nhiều lần ông Th gặp ông T yêu cầu trả nợ nhưng ông T không trả nên tháng 03/2018 ông Th có làm đơn khởi kiện đến Tòa án, lúc này ông Ph đại diện cho ông T không thừa nhận việc ông Th có tham gia hội của ông T và không thừa nhận bất kỳ khoản nợ tiền hội nào của ông Th. Do không có chứng cứ để chứng minh nên ông Th đã rút lại yêu cầu khởi kiện.

Ngày 23/5/2018, ông Th tiếp tục làm đơn khởi kiện ông T yêu cầu trả nợ và ông Ph vẫn tiếp tục là người đại diện theo ủy quyền cho ông T tham gia tố tụng. Quá trình Tòa án giải quyết lần khởi kiện này, ông Ph đã thừa nhận có việc ông Th tham gia hội do ông T làm chủ như ông Th trình bày tuy nhiên ông Ph chỉ thừa nhận ông Th đóng hội sống được 05 kỳ chứ không phải 17 kỳ.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà D là người đại diện cho ông Th vẫn khẳng định ông Th đóng hội sống được 17 kỳ nhưng do không có chứng cứ để chứng minh vì vậy chấp nhận theo lời trình bày của ông Ph cho rằng hội chỉ khai đến kỳ thứ 16 thì không khai tiếp nên có rút lại một phần yêu cầu khởi kiện buộc ông T phải trả cho ông Th hội vốn và lãi của kỳ khai thứ 17 cộng chung là 4.000.000

đồng và vẫn tiếp tục yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ trả cho ông Th hui vốn và lãi đã đóng 16 kỳ là  $2.000.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ phần} \times 16 \text{ kỳ} = 64.000.000 \text{ đồng}$ .

Ông Quách Thanh Ph đại diện cho ông T thừa nhận ông Th có tham gia 02 phần của dây hui 2.000.000 đồng do ông T làm chủ, tuy nhiên ông Th chỉ đóng hui sống đến kỳ khai hui thứ 05 thì không đóng tiếp nên ông T đã không cho ông Th tham gia tiếp, việc này chỉ thỏa thuận miệng không làm giấy tờ. Sau kỳ khai hui thứ 16 thì hui không khai tiếp do nhiều người hót không đóng lại hui chết nên ông T không có khả năng đóng thay; vì vậy đã tuyên bố vỡ hui đồng thời có thỏa thuận sẽ trả lại tiền hui vốn cho các hui viên chưa hót. Đối với ông Th đến nay ông T vẫn chưa thỏa thuận được việc trả lại hui vốn do các bên chưa thống nhất được số tiền hui sống đã đóng. Việc trước đây ông đại diện theo ủy quyền cho ông T không thừa nhận việc ông Th tham gia hui do ông T làm chủ cũng như không thừa nhận việc ông T còn nợ tiền hui ông Th là do ông T chỉ ủy quyền cho ông trình bày trong phạm vi nội dung ủy quyền, lý do vì sao hôm nay ông T lại tiếp tục ủy quyền cho ông trình bày khác hơn thì ông không rõ.

Nay ông đại diện ông T yêu cầu được trả lại cho ông Th số tiền hui vốn mà ông Th đã đóng được là  $05 \text{ kỳ} \times 02 \text{ phần} \times 1.500.000 \text{ đồng} = 15.000.000 \text{ đồng}$  và đồng ý trả lãi theo pháp luật quy định là 1,125%/tháng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th1 trình bày: Bà là vợ của ông Bùi Văn Th, bà hoàn toàn thống nhất theo trình bày và yêu cầu của bà Huỳnh Hồng D không có ý kiến bổ sung.

Người làm chứng:

- Bà Huỳnh Thị Thúy A trình bày: Bà với ông Th và ông T không có quan hệ họ hàng. Trước đây bà có cùng ông Th tham gia dây hui ngày 19/01/2019 do ông T làm chủ, bà đóng được 16 kỳ thì ông T tuyên bố vỡ hui.

- Bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà và ông Th thì không có quan hệ họ hàng nhưng mẹ của bà và mẹ của ông T lại là chị em chú bác ruột. Trước đây bà có cùng ông Th tham gia dây hui ngày 19/01/2019 do ông T làm chủ. Các kỳ khai hui tại nhà của ông T bà có gặp ông Th trực tiếp đi bỏ hui khoảng 5 đến 6 lần và gặp bà Th1 vợ của ông Th đi bỏ hui khoảng 2 đến 3 lần. Theo bà được biết thì ông Th vẫn chưa hót phần hui nào và đã đóng hơn 15 kỳ, bởi kỳ khai hui thứ 15 thì bà là người hót hui.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 84/2019/DS-ST ngày 10/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân đã xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn Th buộc ông Bùi Thanh T phải trả số tiền hui cả vốn lẫn lãi là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

2. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của ông Th buộc ông T có nghĩa vụ trả tổng số tiền hui cả vốn lẫn lãi là 11.678.000 đồng (mười một triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Th, buộc ông T có nghĩa vụ trả cho ông Th tổng số tiền hội cả vốn lẫn lãi là 52.322.000 đồng (năm mươi hai triệu ba trăm hai mươi hai nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và hướng dẫn thi hành án.

Sau khi tuyên án sơ thẩm, ngày 23/4/2019 ông Bùi Thanh T có đơn kháng cáo, nội dung yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xem xét lại toàn bộ Bản án số 84/2019/DS-ST ngày 10/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Huỳnh Hồng D là người đại diện cho ông Bùi Văn Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về thủ tục kháng cáo: Ông Bùi Thanh T nộp đơn kháng cáo trong hạn luật định, nên được xem xét giải quyết;

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử cũng như Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự

- Về đề xuất hướng giải quyết vụ án:

Giữa ông Th và ông T thừa nhận có giao kết chơi hội, ông T làm chủ hội, ông Th là hội viên, ông Th tham gia 2 phần dây hội gồm 27 người. Tuy nhiên ông Th cho rằng ông đã châu 16 lần hội sống, ông T chỉ thừa nhận ông Th châu 5 lần hội sống, qua lời khai của người làm chứng là bà D, bà M cùng xác nhận ông Th có tham gia chơi hội và thấy ông Th châu hội cho ông T khoảng 5 đến 6 lần, bà Th1 là vợ ông Th châu 2 đến 3 lần.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và những người làm chứng buộc ông T phải trả lại cho ông Th số tiền 16 lần hội sống là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Thanh T; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và nghe lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục kháng cáo: Bản án sơ thẩm được tuyên án ngày 10/4/2019 đến ngày 23/4/2019 ông Bùi Thanh T có đơn kháng cáo là trong hạn luật định, có nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Sự vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm của nguyên đơn ông Bùi Văn Th, nhưng có bà Huỳnh Hồng D là người đại diện theo ủy quyền; bị đơn ông Bùi Thanh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với các ông bà có tên nêu trên.

[3]. Về nội dung kháng cáo: Ông Bùi Thanh T yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xem xét lại toàn bộ nội dung Bản án số 84/2019/DS-ST ngày 10/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

[4].Xem xét yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Thanh T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1].Các bên cùng thừa nhận có việc giao kết chơi hụi, ông T là chủ hụi, ông Th là hụi viên, dây hụi 2.000.000 đồng, gồm 27 phần, ông Th tham gia 2 phần, hụi khai lần đầu là ngày 19/01/2016 ãl.

[4.2].Theo ông Th thì cho rằng đã góp được 17 lần hụi sống, nhưng ông T cho rằng hụi chỉ khai 16 lần rồi ngưng không khai nữa nên ông Th cũng chấp nhận là đã góp 16 lần hụi sống; ông T thì cho rằng ông Th chỉ góp được 5 lần hụi sống thì không đóng tiếp nên ông T đã không cho ông Th tham gia tiếp, việc này chỉ thỏa thuận miệng không làm giấy tờ. Sau kỳ khai hụi thứ 16 thì hụi không khai tiếp do nhiều người hốt không đóng lại hụi chết nên ông T không có khả năng đóng thay, và ông cũng chưa trả lại số tiền đã đóng hụi cho ông Th.

4.3].Các bên không thống nhất về số kỳ đóng tiền hụi. Tuy nhiên xét thấy về lời trình bày từ phía ông T không đồng nhất; cụ thể lần khởi kiện lần đầu phía ông T không thừa nhận việc ông Th có tham gia chơi dây hụi này, lần khởi kiện sau này thì lại thừa nhận ông Th có tham gia nhưng cho rằng ông Th chỉ đóng được 5 lần hụi sống rồi không đóng nữa; mặt khác lúc thì khai dây hụi gồm 17 hụi viên lúc thì khai là 27 hụi viên.

[4.4].Về thời gian khai hụi mỗi tháng một lần, như vậy kể từ lần khai hụi thứ 5 đến lần khai hụi thứ 16 là 11 lần tức là thời gian 11 tháng, nếu ông Th không góp hụi thì ông T phải có trách nhiệm góp tiền hụi của ông Th để giao cho các hụi viên được hốt các kỳ khai tiếp theo, nếu ông T không cho ông Th tiếp tục tham gia thì phải phải hoàn trả lại số tiền ông Th đã góp 5 lần khai hụi.

[4.5]. Mặt khác, trường hợp ông Th chỉ đóng hội được 5 lần rồi không đóng tiếp nên ông T không cho ông Th tiếp tục tham gia, thì trong dây hội sẽ giảm số lượng hội viên, nhưng theo bà Nguyễn Thị M là người cùng tham gia dây hội cho biết, bà là người hốt hội sau lần khai thứ 15, trong giấy giao tiền hội thể hiện số tiền của 14 phần hội chết và 12 phần hội sống, như vậy tổng số người trong dây hội vẫn là 27 người (26 hội viên khác + bà Mỹ), ông T là chủ hội giao đủ số tiền này cho bà M, ngoài ra bà M còn cho biết ông Th có tham gia chơi dây hội khai ngày 19/01/2016 à, cũng như gặp ông Th đi bỏ hội khoảng 5 đến 6 lần, gặp bà Th1 (vợ ông Th) đi bỏ hội khoảng 2 đến 3 lần.

[5]. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T phải trả cho ông Th số tiền của 16 kỳ hội sống là có căn cứ. Tuy nhiên trong phần nhận định của Bản án lại ghi nhận sự tự nguyện của phía bị đơn về lãi suất để từ đó tính lãi trên số tiền buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn là chưa chính xác, bởi vì phía bị đơn chỉ tự nguyện trả lãi suất theo quy định của pháp luật với số tiền đồng ý trả cho nguyên đơn là 15.000.000 đồng. Tuy nhiên, đây là trường hợp hội có lãi, nên ngoài việc phải trả số tiền vốn, thì còn buộc bị đơn phải chịu lãi suất trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 10 của Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường.

[6]. Ông Bùi Thanh T kháng cáo, nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới sau khi xét xử sơ thẩm, nên không có cơ sở xem xét.

[7]. Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định nêu trên, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Từ nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Thanh T; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

[9]. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10]. Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, nên ông Bùi Thanh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 148; Khoản 1, 2 Điều 228; Khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Thanh T; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 84/2019/DS-ST ngày 10/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân:

+ Đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn Th buộc ông Bùi Thanh T phải trả số tiền hui cả vốn lẫn lãi là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

+ Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của ông Th buộc ông T có nghĩa vụ trả tổng số tiền hui cả vốn lẫn lãi là 11.678.000 đồng (mười một triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Th, buộc ông T có nghĩa vụ trả cho ông Th tổng số tiền hui cả vốn lẫn lãi là 52.322.000 đồng (năm mươi hai triệu ba trăm hai mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

+Án phí dân sự sơ thẩm: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là 2.616.000 đồng (hai triệu sáu trăm mười sáu nghìn đồng). Ông Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là 584.000 đồng (năm trăm tám mươi bốn nghìn đồng) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là 1.700.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0016667 ngày 25/5/2018 của chi cục thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Hoàn trả cho ông Th số tiền còn lại là 1.116.000 đồng (một triệu một trăm mười sáu nghìn đồng).

+Án phí dân sự phúc thẩm : Ông Bùi Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn). Được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0005687 ngày 24/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND h Phú Tân;
- TAND h Phú Tân;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS h Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**Nguyễn Văn Thiện**